

Số: 809 /NASCO-CBTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Trụ sở chính: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024. 38840085;

Fax: 024. 38865555

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Việt Phương

Địa chỉ: Số 84 Quán Sứ, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (di động, cơ quan, fax):

Di động: 0912899899;

CQ: 024. 38840668;

Fax: 024. 38865555

Loại công bố thông tin: Định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài công bố thông tin về Thư mời và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

(Có Báo cáo gửi kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, BTK

Người công bố thông tin
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Phương

THƯ MỜI
Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Kính gửi : Quý cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài

Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian: 8 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 4 năm 2019

2. Địa điểm: Trụ sở Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân Bay Nội Bài, Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội.

3. Nội dung dự kiến thông qua tại Đại hội:

3.1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018;

3.2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2018;

3.3. Các tờ trình của Hội đồng quản trị:

- Báo cáo tài chính Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty có vốn góp năm 2018; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018;

- Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;

- Kết quả chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2018, thường Ban điều hành năm 2018; dự kiến mức chi năm 2019;

- Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2019;

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

4. Thành phần: Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (ngày 04/04/2019).

5. Đề công tác tổ chức Đại hội được chu đáo. Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội (dự họp Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác) theo mẫu "Giấy đăng ký hoặc ủy quyền tham dự Đại hội" gửi kèm trước 16 giờ 00 ngày 22/4/2019 tại Ban Thư ký Công ty - Trụ sở Công ty NASCO, Sân bay Quốc tế Nội Bài xã Phú Minh-Sóc Sơn, Hà Nội. Điện thoại: 024. 3884.0668– 0975743533; email: vanthu@nasco.vn; Fax : 024.38865555.

6. Toàn bộ tài liệu họp: mẫu Giấy đăng ký hoặc Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, được đăng trên Website của Công ty tại địa chỉ:

[:www.nasco.vn](http://www.nasco.vn)

7. Cổ đông đến dự Đại hội xin mang theo CMND, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu và Giấy uỷ quyền (bản gốc, trường hợp được uỷ quyền) để làm thủ tục kiểm tra tư cách đại biểu.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CƠ PHÂN
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY NỘI BAY
H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI
M.S.D.N: 010010828
H. T. C. P.

Lê Đức Cảnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài

Tên cổ đông:.....Mã số:

Địa chỉ:

Số CMND/GDKKD: cấp ngày: tại:

Số cổ phần sở hữu tại ngày 04/04/2019 là:..... cổ phần

Tôi/ chúng tôi xác nhận rằng:

1. Đồng ý tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
2. Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:

Họ và tên người được ủy quyền:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/ Hộ chiếu:..... cấp ngày:..... tại.....

Được thay mặt tôi/chúng tôi tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài ngày 26/4/2019 và có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần tôi/chúng tôi sở hữu để biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.

Người được Ủy quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Ban tổ chức Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại các nội dung của Đại hội cho Cổ đông ủy quyền biết.

..... Ngày tháng 04 năm 2019 *OK*

Người được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

CÔNG TY SÂN BAY NỘI BÀI

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

(Thứ sáu - ngày 26/4/2019)



| TT | THỜI GIAN DỰ KIẾN | NỘI DUNG |
|-----|-------------------|--|
| 1 | 7h30-8h30 | Đón tiếp cổ đông đăng ký danh sách, phát tài liệu và phiếu biểu quyết. |
| 2 | 8h40 - 8h45 | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. |
| 3 | 8h45 - 8h50 | Bầu Đoàn chủ tịch - Dự kiến số lượng đề Đại hội thông qua; - Giới thiệu dự kiến danh sách đề Đại hội thông qua: (Đại hội biểu quyết thông qua) Giới thiệu thư ký, ban kiểm phiếu (Đại hội biểu quyết thông qua) |
| 4 | 8h50 - 9h05 | Thông qua nội dung chương trình Đại hội, quy định tổ chức Đại hội, quy định thể lệ biểu quyết. (Đại hội biểu quyết thông qua) |
| 5 | 9h05 - 11h15 | Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua: |
| 5.1 | | Báo cáo hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty |
| 5.2 | | Báo cáo hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát Công ty, lựa chọn Công ty kiểm toán kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 |
| 5.3 | | Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018; phương án phân phối lợi nhuận năm 2018. |
| 5.4 | | Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019; |
| 5.5 | | Kết quả chi thù lao của HĐQT và BKS năm 2018, chi thường cho HĐQT và BKS năm 2018, mức chi trả thù lao năm 2019; |
| 5.6 | | (Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội) |
| 5.7 | | Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung trình Đại hội |
| 6 | 11h15-11h25 | Nghỉ giải lao |
| 7 | 11h25-11h35 | Thư ký Đại hội đọc Biên bản và Nghị quyết đại hội; (Đại hội xem xét biểu quyết thông qua) |
| 8 | 11h35 | Bế mạc Đại hội. |

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: /QĐ-BTCDH/NASCO

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài**

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 được thông qua ngày 26/11/2014 tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số: 27/NQ-NASCO/HDQT ngày 19/03/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài.

Căn cứ Quyết định số: 28/QĐ-NASCO/HDQT ngày 19/03/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Quy định tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài.

Điều 2: Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các thành viên Ban tổ chức Đại hội, thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông, các thành viên liên quan và các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Nơi nhận:

- Cổ đông
- Lưu VT

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

QUY ĐỊNH

V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTCĐII/NASCO ngày /04/ 2019
của Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1:** Phạm vi áp dụng: Quy định này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (sau đây gọi tắt là Đại hội) Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài.
- Điều 2:** Quy định này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện cổ đông tham gia Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Điều 3:** Cổ đông/đại diện cổ đông tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy định này.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHI THAM DỰ ĐẠI HỘI

- Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông (đại diện ủy quyền) khi tham dự Đại hội.**
1. Cổ đông dù điều kiện được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đều có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc biểu quyết quy định cụ thể tại quy định về thể lệ biểu quyết tại Đại hội.
 2. Ban tổ chức Đại hội sẽ công khai thông báo: chương trình Đại hội; nội dung các báo cáo và phương án trình Đại hội.
Những ý kiến của các cổ đông hoặc thông qua đại diện ủy quyền tại Đại hội sẽ được thảo luận công khai.
 3. Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không đến dự Đại hội đồng cổ đông được, có thể ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu quy định) cho một người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
 4. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông phải mang theo thông báo mời họp và giấy tờ tùy thân (CMND, thẻ căn cước hay hộ chiếu) trình Ban tổ chức Đại hội và được nhận một "Thẻ biểu quyết" có ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình. Giá trị biểu quyết mà cổ đông hoặc đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.
 5. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông sẽ nghe nội dung các vấn đề được nêu trong chương trình của Đại hội, cùng thảo luận, nêu câu hỏi chất vấn và thông qua từng nội dung bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
 6. Cổ đông đến dự họp tại thời điểm Đại hội đã khai mạc vẫn phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức và có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, nhưng Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các nội dung đó tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

7. Nghiêm túc chấp hành các Quy định và các nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

1. Ban tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm tiếp nhận đăng ký, tổ chức đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu và thẻ biểu quyết cho những cổ đông có đủ tư cách tham gia Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Ban kiểm tra tư cách cổ đông) do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ của những người đến dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ giấy tờ theo quy định thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền kiến nghị việc từ chối cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Đại hội và Thư ký Đại hội

1. Theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty sẽ đảm nhiệm trọng trách Chủ tọa Đại hội.

2. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết.

3. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và một địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có cản trở diễn biến trật tự của cuộc họp;

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5. Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, ghi chép và phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong biên bản và Nghị quyết Đại hội.

CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8: Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung nêu tại chương trình Đại hội. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định về thể lệ biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9: Nghị quyết và biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- Điều 10:** Mọi vấn đề về tổ chức Đại hội, trì hoãn hay triệu tập lại đều được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp.
- Điều 11:** Chi phí cho việc đi lại, ăn nghỉ của các cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài do các cổ đông tự túc.

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Điều 12:** Quy chế này gồm 5 chương, 12 điều, được Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài thông qua ngày 26/04/2019 và có hiệu lực để thực hiện công tác tiến hành tổ chức Đại hội.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

Trần Việt Phương

Số: /QĐ-BTCĐH/NASCO

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 được thông qua ngày 26/11/2014 tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số: 27/NQ-NASCO/HĐQT ngày 19/3/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài.

Căn cứ Quyết định số: 28/QĐ-NASCO/HĐQT ngày 19/3/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài.

Điều 2: Quy định này có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Điều 3: Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung trong Quy định này.

Nơi nhận

- Các cổ đông;
- Lưu VT.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

Trần Việt Phương

QUY ĐỊNH

Về thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTCDH/NASCO ngày /04/2019
của Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

1. Nguyên tắc chung:

- Nội dung các tờ trình và báo cáo được trình bày công khai tại đại hội.
- Việc biểu quyết thông qua các tờ trình được tiến hành công khai, trực tiếp và chỉ được sử dụng phiếu biểu quyết do Ban tổ chức đại hội phát hành.

2. Các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận:

Riêng phần thông qua quyết định liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung sửa đổi Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận

3. Mỗi cổ đông hay đại diện cổ đông dự Đại hội có số phiếu biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu.

4. Thể lệ biểu quyết:

4.1. Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài ở góc trái phía trên. Trong mỗi phiếu biểu quyết sẽ ghi các nội dung cần biểu quyết.

4.2. Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Được thực hiện đối với các nội dung: Thông qua chương trình Đại hội; Thông qua quy chế làm việc của Đại hội; quy định thể lệ biểu quyết tại đại hội; nhân sự Đoàn chủ tịch, Thư ký đại hội, Ban Kiểm phiếu; Biên bản đại hội; và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị. Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: đồng ý hay không đồng ý); những cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

4.3. Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội ngoài các nội dung đã được Đại hội biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết đề **đồng ý**, hoặc **không đồng ý**, hoặc **không có ý kiến** một nội dung bằng cách đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Đồng ý”, “Không đồng ý” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu. Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

a) Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

b) Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

- Phiếu biểu quyết không do Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài phát hành và không có dấu của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài.

- Phiếu để trống mọi ô lấy ý kiến hoặc điền vào nhiều hơn một ô lấy ý kiến của một nội dung biểu quyết.

- Phiếu sửa chữa, gạch xóa hoặc điền vào nhiều hơn một ô lấy ý kiến mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh ô được đánh dấu.

- Phiếu không có chữ ký của Cổ đông.

c) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

5. Các quyết định đã được Đại hội thông qua một cách hợp lệ có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông của Công ty.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

Trần Việt Phương

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các nội dung tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần
Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-NASCO/HĐQT ngày 19/03/2019 của Hội đồng quản trị về việc triệu tập Đại hội cổ đông thường niên năm 2019; Thành lập các Ban để tổ chức và điều hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài;

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Chương trình Đại hội.
2. Thông qua các quy định liên quan đến tổ chức và điều hành Đại hội
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018.
4. Báo cáo hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.
5. Báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018;
6. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;
7. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2018, mức chi năm 2019 và mức thưởng cho Ban điều hành năm 2018;
8. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, BTK.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính thưa các Quý vị cổ đông!

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) xin được cảm ơn các Quý vị cổ đông có mặt tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty và xin trân trọng báo cáo đến toàn thể Quý vị cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ công tác của Hội đồng quản trị năm 2019 như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2018:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

1.1. Những thuận lợi, khó khăn

* *Thuận lợi:*

- Lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài nói chung và lượng khách của VNA qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước. Năm 2018 tốc độ tăng trưởng hành khách qua Cảng HKQT Nội Bài tăng 8,26% so với cùng kỳ năm 2017.

- Công ty được điều chỉnh tăng giá phục vụ khách hạng thương gia đối với khách Skyteam từ 430.000 đồng/khách lên 508.200 đồng/khách.

- Các dự án hợp tác kinh doanh với các đối tác: VP Bank, Go Japan triển khai đúng kế hoạch góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

- Các điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1 sau khi cải tạo hoạt động ổn định, việc hợp tác KD phối hợp với các đối tác có thương hiệu được tăng cường.

- Tận dụng lợi thế về vị trí kinh doanh để tăng cường nguồn thu từ tài trợ, quảng cáo.

* Bên cạnh những thuận lợi kể trên, NASCO cũng gặp không ít khó khăn

- Thị trường hàng hóa, dịch vụ tại Cảng HKQT Nội Bài bị cạnh tranh nhiều ở hầu hết các lĩnh vực.

- Chi phí thuê mặt bằng tăng so với kế hoạch, phát sinh chi phí đặt standee, biển hiệu nhà hàng.

- Công ty đảm bảo việc làm và chế độ cho người lao động tại các điểm dừng kinh doanh đến tháng 6 năm 2018.

- Các điểm kinh doanh mới tại TI chậm đưa vào hoạt động so với Kế hoạch.
- Công ty phải thuê PTVT ngoài do chưa thực hiện đầu tư mới.
- Từ 01/9 các đối tác Okara, Go Japan ngừng hợp tác kinh doanh.

1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018:

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2018 | Thực hiện năm 2018 | %SS TH2018/ KH 2018 | %SS TH2018/ TH 2017 |
|-----------|---|----------------|--------------------|---------------------|---------------------|
| I | CÔNG TY MẸ | | | | |
| 1 | Vốn CSH bình quân | 120.178 | 120.178 | 100,0 | 100,0 |
| | Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo | 83.158 | 83.158 | 100.0 | 100.0 |
| 2 | Tổng Doanh thu | 488.132 | 471.508 | 96,6 | 105,0 |
| | <i>Tổng doanh thu không bao gồm doanh thu nội bộ</i> | <i>458.004</i> | <i>441.138</i> | <i>96.3</i> | <i>105.1</i> |
| a | Doanh thu từ hoạt động SXKD | 470.533 | 453.307 | 96.3 | 105,6 |
| b | Doanh thu từ hoạt động khác | 17.599 | 18.201 | 103,4 | 91,0 |
| 3 | Tổng chi phí | 459.452 | 442.488 | 96,3 | 103,7 |
| | <i>Tổng CP không bao gồm chi phí nội bộ</i> | <i>429.325</i> | <i>412.118</i> | <i>96.0</i> | |
| a | Chi phí từ hoạt động SXKD | 453.145 | 434.548 | 95,9 | 103,7 |
| b | Chi phí hoạt động khác | 6.308 | 7.940 | 125,9 | 101,3 |
| 4 | Tổng Lợi nhuận trước thuế | 28.680 | 29.020 | 101,2 | 129,8 |
| a | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | 17.389 | 18.759 | 107,9 | 184,1 |
| b | Lợi nhuận hoạt động khác | 11.291 | 10.261 | 90,9 | 84,3 |
| 5 | Thuế TNDN phải nộp | 2.446 | 2.703 | 110,5 | 264,3 |
| 6 | Lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN | 26.234 | 26.317 | 100,3 | 123,3 |
| 7 | Chia cổ tức (Tạm tính) | 20.789 | 20.789 | 100,0 | 108,7 |
| | <i>Tỷ lệ cổ tức/VDL(%)(Phần giá trị cổ phiếu đang lưu hành)</i> | <i>25</i> | <i>25</i> | <i>100,0</i> | <i>108,7</i> |
| 8 | Tổng mức đầu tư trong năm | | | | |
| a | Đầu tư XD/CB và TTB | | | | |
| | - Giá trị KL công việc hoàn thành | 103.230 | 33.029 | 32,0 | 329,4 |
| | - Giá trị giải ngân | 55.715 | 11.889 | 21,3 | 118,6 |
| b | Đầu tư vốn vào DN khác | 11.246 | 0 | 0,0 | 0,0 |
| 9 | Tổng quỹ lương, tiền công | 90.385 | 90.630 | 100,3 | 103,6 |
| 10 | Lao động bình quân | 650 | 613 | 94,3 | 95,2 |
| II | CHỈ TIÊU HỢP NHẤT | | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 658.210 | 621.807 | 94,5 | 107,9 |
| | <i>Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất loại trừ DT nội bộ</i> | | <i>591.438</i> | | |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 31.220 | 29.433 | 94,3 | 136,7 |

1.3. Kết quả thực hiện chi thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2018:

- Tổng thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 47.520.000 đồng (06 tháng)
- Thù lao của các thành viên hội đồng quản trị: 332.800.000 đồng

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của HĐQT năm 2018:

2.1. Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018:

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị, từng thành viên HĐQT và Ban giám đốc điều hành công ty đã tích cực triển khai các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, cụ thể như sau:

- Thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ công ty và chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông và chi thưởng cho Ban điều hành theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Triển khai Kế hoạch SXKD năm 2018 được ĐHĐCĐ phê duyệt, xây dựng các giải pháp điều hành kế hoạch để thực hiện trong toàn công ty.

- Triển khai bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty.

- Triển khai sửa đổi, ban hành Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc ký hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

2.2. Thực hiện các công việc theo thẩm quyền của HĐQT:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành 4 phiên họp tập trung, 02 phiên họp ĐHĐCĐ và 42 phiên họp dưới hình thức lấy phiếu xin ý kiến bằng văn bản theo quy định tại điều 30 – Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo đúng trình tự: các biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được triển khai và ban hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Trong năm HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để điều hành hoạt động của Công ty.

Ngoài việc triển khai thực hiện các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, HĐQT và từng thành viên HĐQT triển khai các nội dung công việc như sau:

- Chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch năm 2019 theo yêu cầu của Tổng công ty HK Việt Nam tại nghị quyết số 1714/NQ-HĐQT-TCTHK ngày 19/09/2018 theo đúng tiến độ và đã được Tổng Công ty HKVN giao chỉ tiêu kế hoạch định hướng cho nhóm người đại diện chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện.

- Bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới đối với Ông Trần Việt Phương.

- Làm thủ tục miễn nhiệm thành viên HĐQT xin từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm bảo công tác giám sát và điều hành.

- Phê duyệt triển khai thực hiện các dự án Đầu tư, mua sắm đảm bảo cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động điều hành và kinh doanh của Công ty, trong đó một số dự án quan trọng đó là:

+ Triển khai đầu tư dự án mua 02 xe ô tô sản xuất phục vụ hoạt động kinh doanh chở khách trong sân đỗ máy bay (thay thế xe cũ hết hạn lưu hành).

+ Triển khai thực hiện dự án đầu tư xây mới, cải tạo các điểm kinh doanh tại nhà ga T1.

+ Đầu tư các phương tiện, trang thiết bị lẻ khác phục vụ SXKD.

- Theo dõi, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Công ty có vốn góp của NASCO đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Bổ nhiệm lại cán bộ đã hết nhiệm kỳ, bổ nhiệm mới cán bộ quản lý theo thẩm quyền đảm bảo công tác quản lý điều hành luôn được duy trì ở tất cả các đơn vị, các cấp hoạt động kinh doanh.

- Ban hành, sửa đổi bổ sung quy chế trả lương, trả thưởng cho phù hợp với các quy định pháp luật và thực tế.

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ các chi phí của Công ty góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2018.

- Phê duyệt kế hoạch chi quỹ phúc lợi và khen thưởng năm 2018 để kịp thời động viên những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

- Thống nhất và phối hợp triển khai tốt chương trình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

2.3. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết, Quyết định do ĐHĐCD năm 2018 và các Nghị Quyết, Quyết định Hội đồng quản trị ban hành. Trong bối cảnh các chính sách quản lý của Nhà nước còn nhiều bất cập, mức độ cạnh tranh trong môi trường kinh doanh của Công ty ngày càng khốc liệt, Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý của công ty đã luôn nhiệt huyết, nỗ lực làm việc, nhanh nhạy linh hoạt nắm bắt tình hình, nhanh chóng ra quyết định kịp thời hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCD và Hội đồng quản trị giao phó, đảm bảo cao nhất lợi ích cho khách hàng, các cổ đông và người lao động.

Ban điều hành cũng thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư các dự án, tình hình tài chính.... giúp HĐQT quản trị nắm bắt kịp thời tình hình của Công ty chỉ đạo Công ty hoạt động một cách hiệu quả theo kế hoạch đã đề ra.

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao và ghi nhận kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 của Ban điều hành nói chung và Tổng Giám đốc nói riêng.

2.4. Nhận xét đánh giá:

- Hội đồng quản trị tự nhận thấy đã chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các nội dung trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ; đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo và giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định.

- Năm 2018, mặc dù Công ty đã gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng Công ty đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao và đạt được kết quả tốt (lợi nhuận trước thuế đạt 101.2% so với kế hoạch). Vốn và tài sản Công ty được bảo toàn và phát triển. Hiệu quả vốn chủ sở hữu đạt mức khá cao (tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ là 31.65%), bảo đảm lợi ích của cổ đông. Một số dự án đầu tư trọng điểm đã được triển khai, tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

II. Kế hoạch SXKD năm 2019, Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019

Đơn vị: tr đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | SS KH2019/TH 2018 | |
|----------|--|--------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| | | | | Số tuyệt đối | Số tương đối (%) |
| I | CÔNG TY MẸ | | | | |
| 1 | Vốn CSH bình quân | 120.178 | 120.178 | 0 | 100,0 |
| | Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo | 83.158 | 83.158 | 0 | 100,0 |
| 2 | Tổng Doanh thu | 471.508 | 506.255 | 34.747 | 107,4 |
| | <i>Tổng doanh thu không bao gồm DT nội bộ</i> | <i>441.138</i> | <i>474.422</i> | <i>33.283</i> | <i>107,5</i> |
| a | Doanh thu từ hoạt động SXKD | 453.307 | 489.520 | 36.213 | 108,0 |
| b | Doanh thu từ hoạt động khác | 18.201 | 16.735 | -1.466 | 91,9 |
| 3 | Tổng chi phí | 442.488 | 474.695 | 32.207 | 107,3 |
| | <i>Tổng chi phí không bao gồm chi phí nội bộ</i> | <i>412.118</i> | <i>442.862</i> | <i>30.743</i> | <i>107,5</i> |
| a | Chi phí từ hoạt động SXKD | 434.548 | 467.751 | 33.204 | 107,6 |
| b | Chi phí hoạt động khác | 7.940 | 6.944 | -996 | 87,4 |
| 4 | Tổng Lợi nhuận trước thuế | 29.020 | 31.560 | 2.540 | 108,8 |
| a | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | 18.759 | 21.769 | 3.010 | 116,0 |
| b | Lợi nhuận hoạt động khác | 10.261 | 9.791 | -470 | 95,4 |
| 5 | Thuế TNDN phải nộp | 2.703 | 3.205 | 502 | 118,6 |

| | | | | | |
|----|---|---------|---------|---------|-------|
| 6 | Lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN | 26.317 | 28.355 | 2.038 | 107,7 |
| 7 | Chia cổ tức (Tạm tính) | 20.789 | 23.283 | 2.495 | 112,0 |
| | Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%) (Phần giá trị cổ phiếu đang lưu hành) | 25 | 28 | 3 | 112,0 |
| 8 | Tổng mức đầu tư trong năm | | | | |
| a | Đầu tư XDCB và TTB | | | | |
| | - Giá trị KL công việc hoàn thành | 33.029 | 179.351 | 146.322 | 543,0 |
| | - Giá trị giải ngân | 11.889 | 116.653 | 104.765 | 981,2 |
| b | Đầu tư vốn vào DN khác | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | Tổng quỹ lương, tiền công | 90.630 | 95.791 | 5.161 | 105,7 |
| 10 | Lao động bình quân | 613 | 650 | 37 | 106,1 |
| II | CHỈ TIÊU HỢP NHẤT | | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 621.807 | 676.610 | 54.802 | 108,8 |
| | Tổng DT hợp nhất không bao gồm DT nội bộ | 591.438 | 644.776 | 53.338 | 109,0 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 29.433 | 32.540 | 3.107 | 110,6 |

2. Phương hướng hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty:

Năm 2019, Công ty tiếp tục gặp khó khăn và nhiều thử thách: môi trường kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục phải chịu sự cạnh tranh từ nhiều Công ty mới khác và thương hiệu lớn; một số chi phí đầu vào lớn đối với hoạt động kinh doanh tăng mạnh (chi phí thuê mặt bằng tăng tại Cảng hàng không, chi phí khấu hao, lãi vay thực hiện các dự án đầu tư, chi phí xăng, dầu...). Từ những thực tế trên, phương hướng hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2019 tập trung vào các nội dung sau:

- Hội đồng quản trị Công ty và từng thành viên HĐQT thực hiện chương trình hoạt động định kỳ/theo chuyên đề theo đúng kế hoạch; Tập trung cho công tác chỉ đạo, đề cùng Tổng Giám đốc thực hiện điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, chuẩn bị các phương án ứng phó với các biến động của thị trường một cách kịp thời và linh hoạt;

- Tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh ở những lĩnh vực có thế mạnh, nhiều kinh nghiệm (Phòng khách Bông sen, chuyên chở khách trong sân đỗ máy bay, bán hàng miễn thuế, lưu niệm), giữ vững thị phần các hoạt động này; từng bước tìm kiếm những thị trường, lĩnh vực kinh doanh mới.

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị (Phương tiện vận tải) nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ.

- Tăng cường công tác quản lý hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp để có hiệu quả cao hơn.

- Tăng cường công tác chỉ đạo và công tác giám sát các hoạt động của Công ty nhất là sản xuất kinh doanh, quản lý chi phí và thực hành tiết kiệm; chất lượng dịch vụ thường xuyên rà soát, hoàn thiện các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật.


- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện tổ chức của Công ty, áp dụng phương pháp công cụ quản lý tiên tiến để phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh mới

- Nghiên cứu thị trường để triển khai một số loại hình kinh doanh mới, cơ cấu lại những lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả; tăng cường truyền thông quảng bá các loại hình dịch vụ của Công ty nhằm mở rộng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để điều hành và quản lý Công ty; Tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, quy định, nội quy của Công ty. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ thống kê báo cáo.

- Xây dựng phương án huy động các nguồn vốn khác nhau (liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh....) để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm của công ty.

Trên đây là báo cáo của HĐQT năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019, để thực hiện những mục tiêu chung đã đề ra. HĐQT mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông, các đối tác và toàn thể người lao động trong Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. 

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: BTK, VT.



Số: 0 /2019/NASCO-BKS
T/y: Báo cáo của BKS

Hà nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**
Giữa hai kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018-2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không Sân bay Nội Bài; Quy chế hoạt động của BKS, các quy chế nội bộ của NASCO và các quy định của pháp luật hiện hành; Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 28/3/2019; BKS nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) với các nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2018

1. Hoạt động của BKS giữa hai kỳ đại hội

- 1.1. Các thành viên BKS đã chủ động thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, công tác quản trị điều hành của Công ty (Cty) trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ Cty và các yêu cầu của cổ đông; tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT (04 phiên trực tiếp), 02 phiên họp ĐHCĐ; đóng góp tại các cuộc họp cũng như các phiên họp thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản (42 lần) theo quy định tại Điều 30- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty.
- 1.2. Thực hiện việc giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán BCTC năm 2018 của NASCO theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã được ký kết với Cty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.
- 1.3. Thực hiện thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- 1.4. Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch của BKS năm 2018
- 1.5. Thực hiện tổng kết hoạt động của BKS năm 2017 và Xây dựng chương trình hành động năm 2018 và phân công cho các thành viên BKS để thực hiện tốt nhiệm vụ một cách tốt nhất.

2. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của BKS

Ban Kiểm soát đã thực hiện họp 4 lần giữa 2 kỳ đại hội, kết quả:

- 2.1. Thống nhất nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của Cty.
- 2.2. Thống nhất nội dung, phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán của UHY;

2.3. Thống nhất kết quả thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và thống nhất nội dung Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

2.4. Thống nhất kết quả kiểm tra tại đơn vị năm 2018

2.5. Thống nhất giải quyết các vấn đề khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS, từng thành viên BKS năm 2018

3.1. Các thành viên BKS đều hoạt động không chuyên trách, được hưởng thù lao do Cty chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 86/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018, cụ thể:

| STT | Họ tên | Chức vụ | Mức thù lao/tháng | Thù lao năm 2018 |
|-----|----------------------|----------------|-------------------|--------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Thiên Kim | Trưởng BKS | 7.800.000 | 93.600.000 |
| 2 | Trần Thị Kim Oanh | Thành viên BKS | 6.630.000 | 79.560.000 |
| 3 | Nghiêm Thị Thúy Tươi | Thành viên BKS | 6.630.000 | 79.560.000 |
| | Tổng | | | 252.720.000 |

3.2. Chi phí hoạt động của BKS: Không phát sinh

4. Kết quả thực hiện công tác giám sát

4.1. Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT

Các nội dung NQ ĐHĐCĐ, NQ HĐQT đều đã được Cty triển khai thực hiện đầy đủ.

4.2. Hoạt động SXKD

Trong bối cảnh SXKD còn gặp nhiều khó khăn, cạnh tranh lớn, các công ty có vốn đầu tư liên tục bị thua lỗ đã ảnh hưởng nhiều đến kết quả SXKD của Hợp nhất và Cty mẹ; môi trường kinh doanh có nhiều thay đổi; bên cạnh đó là sự thay đổi nhân sự cấp cao, song việc thực hiện kế hoạch SXKD của Cty mẹ vẫn đảm bảo và hoàn thành mục tiêu đề ra.

Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2018 như sau:

BCTC hợp nhất

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH 2017 | TH 2018 | KH 2018 | %TH/KH | %TH18/TH17 |
|-----|----------------------------|-------------|---------|---------|---------|--------|------------|
| 1 | Doanh thu và thu nhập khác | Triệu đồng | 545.687 | 591.438 | 658.210 | 89,86% | 108,38% |
| 2 | Chi phí | Triệu đồng | 524.149 | 562.005 | 626.990 | 89,64% | 107,22% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 21.538 | 29.433 | 31.220 | 94,28% | 136,66% |

BCTC riêng

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH 2017 | TH 2018 | KH 2018 | %TH/KH | %TH18/TH17 |
|-----|----------------------------|-------------|---------|---------|---------|---------|------------|
| 1 | Doanh thu và thu nhập khác | Triệu đồng | 419.542 | 441.139 | 488.132 | 96,32% | 105,15% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 22.361 | 29.020 | 28.680 | 101,19% | 129,78% |
| 2.1 | Lợi nhuận SXKD | Triệu đồng | 10.189 | 18.760 | 17.389 | 107,88% | 184,12% |
| 2.2 | Lợi nhuận khác | Triệu đồng | 12.172 | 10.260 | 11.291 | 90,88% | 84,30% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 21.338 | 26.317 | 26.234 | 100,32% | 123,33% |

Kết quả SXKD hợp nhất: Doanh thu hợp nhất, doanh thu Công ty mẹ đều thấp hơn so với kế hoạch, chỉ đạt lần lượt là 89,86%; lợi nhuận hợp nhất chỉ đạt 94,28% so với kế hoạch do các khoản đầu tư vào Công ty NASCO LOGISTICS và NASCO TAXI chưa đem lại hiệu quả.

Kết quả SXKD của Cty mẹ: Doanh thu Công ty mẹ chỉ đạt 96,32% KH, nhưng Lợi nhuận đạt 101,19% KH, trong đó Doanh thu từ hoạt động SXKD đạt 107,88% KH.

Trong năm 2018, các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty như dịch vụ phòng khách hạng thương gia, dịch vụ vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay vẫn đạt mức tăng trưởng cao. Một số lĩnh vực đã được cải thiện, giảm lỗ so với năm 2017 (ăn nhanh giải khát, bán hàng miễn thuế); tuy nhiên hoạt động bán hàng bách hóa, lưu niệm; bán vé máy bay vẫn chưa có hiệu quả dẫn đến doanh thu toàn Công ty không đạt được kế hoạch.

Mặc dù doanh thu không đạt như kế hoạch, tuy nhiên với các biện pháp quản trị chi phí cũng như thực hiện các giải pháp điều hành (Cty tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ phòng khách hạng thương gia; đầu tư PTVT vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay, mở rộng hợp tác kinh doanh), do đó đã mang lại hiệu quả kinh doanh cho Cty.

Ý kiến KSV:

Cty đã có nhiều nỗ lực để cải thiện hiệu quả SXKD, hoạt động kinh doanh chính đang có lãi tăng so với năm 2017; tuy nhiên Cty vẫn cần tiếp tục có các giải pháp hữu hiệu để cải thiện (giảm lỗ) ở một số lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ khoản vốn đầu tư vào các Cty Nasco Logistic, qua đó tăng hiệu quả hoạt động của Cty mẹ.

4.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

BKS đã thực hiện thẩm định BCTC đã được kiểm toán bởi Cty kiểm toán UHY (Báo cáo thẩm định số 04/2019-NASCO/BKS ngày 28/2/2019. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được lập và kiểm toán theo đúng quy định. BKS nhất trí với nội dung Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 28/2019/BCKT-UHY và số 29/2019/BCKT-UHY ngày 28/2/2019.

Một số chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn trên BCTC riêng

ĐVT: VNĐ

| STT | Nội dung | Số cuối kỳ (31/12/2018) | Số đầu kỳ (01/01/2018) |
|-----------|------------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| I | TÀI SẢN | 275.700.235.872 | 263.401.875.187 |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 113.989.627.274 | 95.741.910.787 |
| 1.1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 59.420.081.540 | 49.123.605.487 |
| 1.2 | Phải thu ngắn hạn | 47.069.638.540 | 37.548.619.582 |
| 1.3 | Hàng tồn kho | 6.771.281.413 | 8.957.881.173 |
| 1.4 | Tài sản ngắn hạn khác | 728.625.781 | 111.804.545 |
| 2 | Tài sản dài hạn | 161.710.608.598 | 167.659.964.400 |
| 2.1 | Phải thu dài hạn | 1.128.631.563 | 1.110.751.563 |
| 2.2 | Tài sản cố định | 95.346.596.837 | 101.520.986.312 |
| 2.3 | Tài sản dở dang dài hạn | 112.172.726 | 1.028.847.817 |
| 2.4 | Đầu tư tài chính dài hạn | 62.072.241.349 | 62.646.823.085 |
| 2.3 | Tài sản dài hạn khác | 3.050.966.123 | 1.352.555.623 |
| II | NGUỒN VỐN | 275.700.235.872 | 263.401.875.187 |
| 1 | Nợ phải trả | 124.860.477.135 | 116.173.856.249 |
| 1.1 | Nợ ngắn hạn | 88.939.989.112 | 80.609.348.503 |
| 1.2 | Nợ dài hạn | 35.920.488.023 | 35.564.507.746 |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | 150.839.758.737 | 147.228.018.938 |

| STT | Nội dung | Số cuối kỳ (31/12/2018) | Số đầu kỳ (01/01/2018) |
|-----|-----------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| 2.1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 83.157.640.000 | 83.157.640.000 |
| 2.2 | Quỹ đầu tư phát triển | 33.053.684.206 | 33.053.684.206 |
| 2.3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 30.662.041.079 | 27.050.301.280 |

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2017 | Năm 2018 |
|------------------------------------|--------|----------|----------|
| Các chỉ tiêu thanh khoản | | | |
| 1. Khả năng thanh toán hiện thời | Lần | 1.19 | 1.28 |
| 2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 1.08 | 1.21 |
| 3. Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0.61 | 0.67 |
| 4. Khả năng thanh toán tổng quát | Lần | 2.27 | 2.21 |
| 5. Khả năng thanh toán nợ dài hạn | Lần | 4.71 | 4.50 |

Ý kiến của KSV:

- Tình hình tài chính của Cty năm 2018 lành mạnh, Cty vẫn bảo toàn được vốn, các chỉ số tài chính năm 2018 đều nằm trong giới hạn an toàn, chỉ số thanh toán nhanh đang có chiều hướng được cải thiện hơn so với năm 2017 (tăng từ 0.61 lên 0.67).
- Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý công nợ, không phát sinh thêm công nợ khó đòi.

(Chi tiết tại Báo cáo thẩm định số 04/2019/NASCO-BKS ngày 28/02/2019 của Ban Kiểm soát)

4.4. Kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty của HĐQT

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý của NASCO trong năm 2017, BKS chưa thấy các dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành Cty của HĐQT, TGD. Các ý kiến phát hiện thông qua các cuộc họp, phiếu xin ý kiến và kết quả kiểm tra của BKS đều được HĐQT, TGD và các bộ phận có liên quan tiếp thu và điều chỉnh kịp thời.

- Các cuộc họp của HĐQT đều được tổ chức theo đúng trình tự, các biên bản và NQ HĐQT đều đã được triển khai và ban hành theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty.

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã được Cty tổ chức triển khai thực hiện, trong năm Cty đã ban hành sửa đổi điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 về hướng dẫn Quản trị công ty đại chúng.

- Trong năm Cty có sự thay đổi về nhân sự cấp cao, công tác bàn giao đã được thực hiện theo đúng quy định.

+ Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị: ông Tạ Thiên Long thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT chuyên trách từ 11/09/2018; ông Lê Đức Cảnh được HĐQT bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT từ 11/09/2018.

+ Thay đổi Tổng Giám đốc: ông Nguyễn Mạnh Quân thôi giữ chức TGD từ ngày 01/09/2018 và ông Trần Việt Phương được HĐQT bổ nhiệm giữ chức TGD từ ngày 01/09/2018.

Ý kiến của KSV: Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty của HĐQT đã phản ánh đúng tình hình quản lý, điều hành của HĐQT Cty năm 2018. BKS nhất trí với đánh giá của HĐQT. Ban

Tuy nhiên năm 2019 Cty có dự định triển khai một số dự án mới, mở rộng hợp tác kinh doanh nhằm mang lại doanh thu và hiệu quả cho Cty, đây là một chuyển biến tốt song bên cạnh đó Cty cần lưu ý cân đối về vốn, quản trị tốt về dòng tiền... để dự án thực sự mang lại hiệu quả.

5. Đánh giá tình hình đầu tư

- Tổng mức đầu tư XDCB và TTB tại kế hoạch của Công ty là 103,23 tỷ đồng, kế hoạch giải ngân là 55,7 tỷ đồng. Đến hết ngày 31/12/2018, giá trị thực hiện là 33 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch, giá trị giải ngân là 11,8 tỷ đồng, đạt 21,4 % kế hoạch.

- Hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Do Kết quả SXKD 2 công ty NASCO LOGISTICS và NASCO TAXI đều lỗ, Công ty mẹ NASCO phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư là 574 triệu đồng. Bên cạnh đó, Công ty phải chịu bổ sung khoản lãi tiền vay đối với khoản vay Ngân hàng VPBank dùng để đầu tư vào NASCO LOGISTICS, dẫn đến chi phí lãi vay trong năm 2018 tăng khoảng 2 tỷ đồng so với năm 2017.

Ý kiến của Kiểm soát viên

- Kết quả HĐKD của Cty NASCO LOGISTICS đã giảm lỗ so với năm 2017 do đã giảm gánh nặng về chi phí lãi vay, tuy nhiên kết quả kinh doanh vẫn lỗ 726,6 triệu đồng, trong đó lỗ SXKD 531 triệu đồng. Đây là một lĩnh vực kinh doanh đang có thuận lợi trên thị trường, vì vậy Cty cần chỉ đạo Người đại diện có các giải pháp điều hành hữu hiệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Cty để mang lại hiệu quả đầu tư.

- Hoạt động kinh doanh của NASCO TAXI vẫn tiếp tục lỗ (1,36 tỷ đồng) do cạnh tranh trong hoạt động taxi vẫn khá khốc liệt. Quản trị chi phí đã ở mức thấp nhưng Công ty vẫn không cải thiện được doanh thu. Cty cần khẩn trương xem xét phương án thoái vốn ở lĩnh vực này hoặc có giải pháp thật cụ thể.

- HĐQT cần chỉ đạo Người đại diện đôn đốc, giám sát chặt chẽ hoạt động của 2 Công ty này để cải thiện tình hình SXKD; xem xét lại tính hiệu quả của khoản đầu tư để cân nhắc việc tiếp tục đầu tư hoặc thực hiện thoái vốn để giảm gánh nặng về tài chính cho Công ty mẹ NASCO.

6. Tình hình thực hiện chính sách với người lao động

Đơn vị tính: 1.000 đ

| TT | ĐƠN VỊ | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2018 | Thực hiện 2017 | So sánh | |
|----|----------------------|---------------|----------------|----------------|---------|---------|
| | | | | | So KH | So CK |
| 1 | Doanh thu kinh doanh | 470,533,379 | 453,306,783 | 429,156,650 | 96.34% | 105.63% |
| 2 | Năng suất LĐBQ | 721.680 | 739.790 | 666.57 | 102.51% | 110.98% |
| 3 | Tổng quỹ lương | 90,385,000 | 90,629,878 | 86,923,113 | 100.27% | 104.26% |
| 4 | Thu nhập BQ | 11,552.28 | 12,325.56 | 11,250.78 | 106.69% | 109.55% |
| 5 | Lao động BQ | 652 | 612.75 | 643.83 | 93.98% | 95.17% |

Năm 2018: NSLD tăng, lao động giảm, tiền lương của người lao động và các chính sách phúc lợi đều tăng. Bảo đảm đời sống cho người lao động tốt.

7. Về phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD, các bộ phận quản lý và cổ đông

- Đối với HĐQT, TGD và các bộ phận quản lý: BKS đã duy trì mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Cty, của cổ đông và tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Cty và quy chế nội bộ. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận chức năng luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt với BKS.

- Đối với cổ đông: Trong năm 2018, BKS không nhận được bất kỳ một đơn thư, khiếu kiện nào của cổ đông. BKS luôn hoạt động theo quy định của pháp luật và vì lợi ích của các cổ đông.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Đại hội đồng cổ đông

- Tiếp tục xem xét và quyết định đúng các vấn đề lớn, mang tính định hướng, quyết định sự sống còn của Cty và lợi nhuận của nhà đầu tư.

- Thông qua các đề xuất của HĐQT, BKS tại đại hội

2. Đối với Hội đồng Quản trị Công ty

- Chỉ đạo thực hiện các giải pháp điều hành đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019, tập trung quản trị dòng tiền, đảm bảo cân đối vốn khi thực hiện các dự án đầu tư và hoạt động kinh doanh được ổn định;

- Chỉ đạo Người đại diện tại hai Cty Nasco Logistic và Cty cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không: Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD; giám sát chặt chẽ hoạt động tài chính, hoạt động kinh doanh của Nasco Logistic nhằm mang lại hiệu quả trong năm 2019; Xem xét sớm thực hiện chủ trương thoái vốn tại Cty cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không khi hoạt động kinh doanh của Cty này tiếp tục thua lỗ kéo dài;

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm các kiến nghị của Ban Kiểm soát, kiểm toán độc lập;

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, đảm bảo an toàn và hiệu quả.

- Thực hiện các giải pháp điều hành SXKD, quản trị nguồn nhân lực, thực hiện các dự án đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và có hiệu quả.

- Tiếp tục rà soát và có giải pháp hữu hiệu đối với các lĩnh vực SXKD không có hiệu quả (Bách hóa lưu niệm, bán vé máy bay) nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, quyền lợi của người lao động và tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD của Công ty.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2019 CỦA BKS

BKS thực hiện theo quy định, trong đó tập trung vào các nội dung chính như sau:

1. **Giám sát** thông qua các cuộc họp, các phiên họp dưới hình thức xin ý kiến của HĐQT: Tham gia đóng góp ý kiến trên cơ sở phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của BKS.
2. **Kiểm tra, giám sát** việc thực hiện kế hoạch SXKD:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT, quyết định của Ban giám đốc;
 - Thẩm định BCTC, BCKQKD năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.
3. **Thực hiện kiểm tra chuyên đề** (do BKS đánh giá và lựa chọn).
 4. Thực hiện các công việc khác theo quy định của BKS.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TKCT;
- Lưu BKS.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Thiên Kim

Số: 8 /TT- NASCO-BKS

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần dịch vụ
Hàng không Sân bay Nội Bài (NASCO)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về quản trị công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 26/09/2017 hướng dẫn một số điểm về quản trị công ty đại chúng.

Để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Cty NASCO theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Cty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm kiểm toán báo cáo tài chính theo các quy định của các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu;
- Phối hợp với công ty kiểm toán của công ty mẹ trong việc giải trình các nội dung liên quan đến hợp nhất báo cáo tài chính.

2. Đánh giá chất lượng đơn vị kiểm toán:

Năm 2018, ĐHĐCĐ thường niên NASCO đã lựa chọn Cty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018 của Cty NASCO dựa trên các tiêu chí nêu trên và nằm trong danh sách các đơn vị kiểm toán được BKS đề xuất tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

BKS đã thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2018, kiểm soát chất lượng của Cty kiểm toán và thấy rằng Cty UHY đã tuân thủ theo đúng quy định và đảm bảo chất lượng kiểm toán BCTC năm 2018.

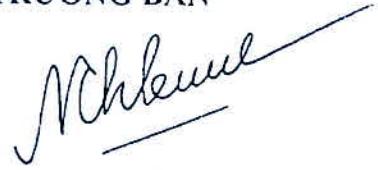
3. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua: Tiếp tục lựa chọn Cty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán BCTC của Cty NASCO trong năm 2019.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGĐ;
- Thư ký CT;
- Lưu VT, BKS.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thiên Kim

Số: 56 /TTr-NASCO-TCKT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018;
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Căn cứ vào Nghị quyết số 27 /NQ-NASCO/HĐQT ngày 19/3/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông năm 2019,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2018 của NASCO và báo cáo tài chính hợp nhất (đã được kiểm toán):

Báo cáo tài chính năm 2018 của NASCO và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện kiểm toán theo đúng các chuẩn mực kiểm toán và kế toán hiện hành. Theo ý kiến của Kiểm toán độc lập, Báo cáo tài chính năm 2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Ban kiểm soát Công ty cũng đã thực hiện thẩm tra các Báo cáo trên.

(Có bảng tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2018 của NASCO và Báo cáo hợp nhất đính kèm tờ trình này).

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

Đơn vị tính: Đồng

| STT | KHOẢN MỤC | NĂM 2018 | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------|---------|
| 1 | Kết quả kinh doanh năm 2018 theo BCTC | 29.020.185.055 | |
| | Lợi nhuận kế toán trước thuế 2018 | 29.020.185.055 | |
| 2 | Xác định Thu nhập chịu thuế TNDN | 13.217.507.705 | |
| 1 | LN không chịu thuế TNDN | 16.448.841.000 | |
| 2 | Chi phí không được trừ | 646.163.650 | |
| 3 | Thuế TNDN phải nộp trong năm 2018 | 2.703.466.704 | |

| STT | KHOẢN MỤC | NĂM 2018 | Ghi chú |
|-----|--|----------------|---------|
| 4 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 26.316.718.351 | |
| 5 | Kế hoạch phân phối quỹ năm 2018 | 2.943.071.835 | |
| | - Quỹ đầu tư, phát triển | - | |
| | - Thuởng ban điều hành | 346.000.000 | |
| | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% (trích theo quy định) | 2.597.071.835 | |
| 6 | Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối quỹ | 23.373.646.516 | |
| 7 | Lợi nhuận năm trước để lại, trong đó: | 4.345.322.728 | |
| | + Lợi nhuận do đánh giá chênh lệch TS góp vốn (không được chia cổ tức) | 4.174.213.122 | |
| | + Lợi nhuận còn lại chưa chia | 171.109.606 | |
| 8 | Lợi nhuận được chia cổ tức | 23.544.756.122 | |
| 9 | Lợi nhuận chia cổ tức năm 2018 (25% giá trị cổ phần cổ đông đang lưu hành) | 20.788.705.000 | |
| 10 | Lợi nhuận còn lại chuyển kỳ sau | 6.930.264.244 | |
| | Trong đó: Lợi nhuận còn lại được chia cổ tức chuyển kỳ sau | 2.756.051.122 | |


Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung đã nêu tại tờ trình này.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên, BKS
- Lưu VT, BTK

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Đức Cảnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Năm 2018 - Sau kiểm toán

(Kèm theo tờ trình số: 56/TTr - NASCO - HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2019)

I. Bảng cân đối kế toán hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2018:

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | NỘI DUNG | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|------------|---|--------------------------|--------------------------|
| I | Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | 139,767,709,427 | 121,907,752,356 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 64,869,752,653 | 51,702,926,574 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | - |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 64,840,286,221 | 58,197,869,578 |
| 4 | Hàng tồn kho | 6,966,666,963 | 8,961,144,809 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 3,091,003,590 | 3,045,811,395 |
| II | TSCĐ và đầu tư dài hạn | 201,853,275,419 | 208,449,117,604 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 1,839,617,641 | 1,212,472,043 |
| 2 | Tài sản cố định | 98,463,371,545 | 106,307,358,661 |
| - | <i>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i> | <i>217,493,882,529</i> | <i>205,680,038,069</i> |
| - | <i>Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình</i> | <i>(121,543,906,043)</i> | <i>(102,495,714,689)</i> |
| - | <i>Nguyên giá TSCĐ vô hình</i> | <i>6,823,638,232</i> | <i>6,483,138,323</i> |
| - | <i>Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình</i> | <i>(4,310,243,173)</i> | <i>(3,360,103,042)</i> |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 488,748,600 | 1,715,886,353 |
| 4 | Bất động sản đầu tư | - | - |
| 5 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 97,363,349,189 | 97,580,945,104 |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 3,698,188,444 | 1,632,455,443 |
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 341,620,984,846 | 330,356,869,960 |
| IV | Nợ phải trả | 136,513,382,471 | 129,002,043,635 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 98,934,886,422 | 93,266,562,114 |
| 2 | Nợ dài hạn | 37,578,496,049 | 35,735,481,522 |
| V | Nguồn Vốn chủ sở hữu | 205,107,602,375 | 201,354,826,324 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 148,446,600,072 | 144,324,047,178 |
| - | <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> | <i>83,157,640,000</i> | <i>83,157,640,000</i> |
| - | <i>Thặng dư vốn cổ phần</i> | | |
| - | <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i> | <i>3,969,213,452</i> | <i>3,969,213,452</i> |
| - | <i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| - | <i>Cổ phiếu quỹ</i> | <i>(2,820,000)</i> | <i>(2,820,000)</i> |
| - | <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i> | <i>28,268,882,414</i> | <i>24,146,329,520</i> |
| - | <i>Quỹ dự phòng tài chính</i> | | |
| - | <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | <i>33,053,684,206</i> | <i>33,053,684,206</i> |
| - | <i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i> | <i>56,661,002,303</i> | <i>57,030,779,146</i> |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 341,620,984,846 | 330,356,869,960 |

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Hợp nhất:

Đơn vị tính: VNĐ

| TT | CHỈ TIÊU | Năm 2018 | Năm 2017 |
|----|---|-----------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 573,828,369,041 | 526,378,540,857 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 737,075,014 | 725,907,701 |
| 3 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp D | 573,091,294,027 | 525,652,633,156 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 314,154,424,165 | 299,067,825,841 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp D | 258,936,869,862 | 226,584,807,315 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 18,071,954,907 | 19,739,364,429 |
| 7 | Chi phí hoạt động tài chính | 7,066,263,961 | 11,297,488,452 |
| - | <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 6,035,657,554 | 9,993,784,288 |
| 8 | Phần lỗ trong công ty liên doanh liên kết | 217,595,915 | 174,916,863 |
| 9 | Chi phí bán hàng | 182,113,076,931 | 169,323,873,573 |
| 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 57,856,057,139 | 44,121,365,754 |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 29,755,830,823 | 21,406,527,102 |
| 12 | Thu nhập khác | 274,636,625 | 294,766,090 |
| 13 | Chi phí khác | 597,897,434 | 162,916,416 |
| 14 | Lợi nhuận khác | (323,260,809) | 131,849,674 |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 29,432,570,014 | 21,538,376,776 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 2,703,466,704 | 1,023,033,531 |
| 17 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 271,348,708 | 35,973,776 |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 26,457,754,602 | 20,479,369,469 |
| 19 | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 26,827,531,446 | 22,641,924,552 |
| 20 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm | (369,776,844) | (2,162,555,083) |
| 21 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3,226 | 2,338 |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Năm 2018 - Sau kiểm toán

(Kèm theo tờ trình số: ~~56~~TTTr - NASCO - HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2019)

I. Bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2018:

Đơn vị tính: VND

| STT | NỘI DUNG | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|------------|---|------------------------|------------------------|
| I | Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | 113,989,627,274 | 95,741,910,787 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 59,420,081,540 | 49,123,605,487 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | - |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 47,069,638,540 | 37,548,619,582 |
| 4 | Hàng tồn kho | 6,771,281,413 | 8,957,881,173 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 728,625,781 | 111,804,545 |
| II | TSCĐ và đầu tư dài hạn | 161,710,608,598 | 167,659,964,400 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 1,128,631,563 | 1,110,751,563 |
| 2 | Tài sản cố định | 95,346,596,837 | 101,520,986,312 |
| - | <i>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i> | 204,234,823,214 | 191,493,351,497 |
| - | <i>Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình</i> | (111,159,804,240) | (92,767,583,266) |
| - | <i>Nguyên giá TSCĐ vô hình</i> | 6,393,638,232 | 6,053,138,323 |
| - | <i>Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình</i> | (4,122,060,369) | (3,257,920,242) |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 112,172,726 | 1,028,847,817 |
| 4 | Bất động sản đầu tư | - | - |
| 5 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 62,072,241,349 | 62,646,823,085 |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 3,050,966,123 | 1,352,555,623 |
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 275,700,235,872 | 263,401,875,187 |
| IV | Nợ phải trả | 124,860,477,135 | 116,173,856,249 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 88,939,989,112 | 80,609,348,503 |
| 2 | Nợ dài hạn | 35,920,488,023 | 35,564,507,746 |
| V | Nguồn Vốn chủ sở hữu | 150,839,758,737 | 147,228,018,938 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 150,839,758,737 | 147,228,018,938 |
| - | <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> | 83,157,640,000 | 83,157,640,000 |
| - | <i>Thặng dư vốn cổ phần</i> | | |
| - | <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i> | 3,969,213,452 | 3,969,213,452 |
| - | <i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i> | - | - |
| - | <i>Cổ phiếu quỹ</i> | (2,820,000) | (2,820,000) |
| - | <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i> | 30,662,041,079 | 27,050,301,280 |
| - | <i>Quỹ dự phòng tài chính</i> | | |
| - | <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | 33,053,684,206 | 33,053,684,206 |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 0 | 0 |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 275,700,235,872 | 263,401,875,187 |

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: VNĐ

| TT | CHỈ TIÊU | Năm 2018 | Năm 2017 |
|----|--|----------------------|----------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 423,674,467,460 | 400,276,143,043 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 737,075,014 | 724,480,428 |
| 3 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV | 422,937,392,446 | 399,551,662,615 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 189,833,210,318 | 194,598,846,448 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | 233,104,182,128 | 204,952,816,167 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 18,067,333,967 | 19,732,137,780 |
| 7 | Chi phí hoạt động tài chính | 7,554,344,944 | 7,665,212,535 |
| - | <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | <i>5,949,156,801</i> | <i>4,064,640,906</i> |
| 8 | Chi phí bán hàng | 165,200,151,253 | 157,033,760,204 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 49,144,787,782 | 37,730,131,332 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 29,272,232,116 | 22,255,849,876 |
| 11 | Thu nhập khác | 133,718,534 | 258,022,978 |
| 12 | Chi phí khác | 385,765,595 | 153,357,016 |
| 13 | Lợi nhuận khác | (252,047,061) | 104,665,962 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 29,020,185,055 | 22,360,515,838 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2,703,466,704 | 1,023,033,531 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 26,316,718,351 | 21,337,482,307 |

Số: 57 /TT-HĐQT/NASCO

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018;
Kế hoạch SXKD năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 27/NQ-NASCO/HĐQT ngày 19/03/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của NASCO và kết quả thực hiện hợp nhất với công ty con năm 2018:

DVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2018 | Thực hiện năm 2018 | %SS TH2018/ KH 2018 | %SS TH2018/ TH 2017 |
|----------|--|----------------|--------------------|---------------------|---------------------|
| I | CÔNG TY MẸ | | | | |
| 1 | Vốn CSH bình quân | 120.178 | 120.178 | 100,0 | 100,0 |
| | Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo | 83.158 | 83.158 | 100,0 | 100,0 |
| 2 | Tổng Doanh thu | 488.132 | 471.508 | 96,6 | 105,0 |
| | <i>Tổng doanh thu không bao gồm doanh thu nội bộ</i> | <i>458.004</i> | <i>441.138</i> | <i>96,3</i> | <i>105,1</i> |
| a | Doanh thu từ hoạt động SXKD | 470.533 | 453.307 | 96,3 | 105,6 |
| b | Doanh thu từ hoạt động khác | 17.599 | 18.201 | 103,4 | 91,0 |
| 3 | Tổng chi phí | 459.452 | 442.488 | 96,3 | 103,7 |
| | <i>Tổng CP không bao gồm chi phí nội bộ</i> | <i>429.325</i> | <i>412.118</i> | <i>96,0</i> | |
| a | Chi phí từ hoạt động SXKD | 453.145 | 434.548 | 95,9 | 103,7 |
| b | Chi phí hoạt động khác | 6.308 | 7.940 | 125,9 | 101,3 |
| 4 | Tổng Lợi nhuận trước thuế | 28.680 | 29.020 | 101,2 | 129,8 |
| a | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | 17.389 | 18.759 | 107,9 | 184,1 |
| b | Lợi nhuận hoạt động khác | 11.291 | 10.261 | 90,9 | 84,3 |
| 5 | Thuế TNDN phải nộp | 2.446 | 2.703 | 110,5 | 264,3 |
| 6 | Lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN | 26.234 | 26.317 | 100,3 | 123,3 |
| 7 | Chia cổ tức (Tạm tính) | 20.789 | 20.789 | 100,0 | 108,7 |

| | | | | | |
|-----------|--|---------------|---------------|--------------|--------------|
| | <i>Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%) (Phần giá trị cổ phiếu đang lưu hành)</i> | 25 | 25 | 100,0 | 108,7 |
| 8 | Tổng mức đầu tư trong năm | | | | |
| a | Đầu tư XDCB và TTB | | | | |
| | - Giá trị KL công việc hoàn thành | 103.230 | 33.029 | 32,0 | 329,4 |
| | - Giá trị giải ngân | 55.715 | 11.889 | 21,3 | 118,6 |
| b | Đầu tư vốn vào DN khác | 11.246 | 0 | 0,0 | 0,0 |
| 9 | Tổng quỹ lương, tiền công | 90.385 | 90.630 | 100,3 | 103,6 |
| 10 | Lao động bình quân | 650 | 613 | 94,3 | 95,2 |
| II | CHỈ TIÊU HỢP NHẤT | | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 658.210 | 621.807 | 94,5 | 107,9 |
| | <i>Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất loại trừ DT nội bộ</i> | | 591.438 | | |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 31.220 | 29.433 | 94,3 | 136,7 |

Chi tiết tại Bảng kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 2018.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của NASCO năm 2019:

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | SS KH2019/TH 2018 | |
|----------|--|--------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| | | | | Số tuyệt đối | Số tương đối (%) |
| I | CÔNG TY MẸ | | | | |
| 1 | Vốn CSH bình quân | 120.178 | 120.178 | 0 | 100,0 |
| | Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo | 83.158 | 83.158 | 0 | 100,0 |
| 2 | Tổng Doanh thu | 471.508 | 506.255 | 34.747 | 107,4 |
| | <i>Tổng doanh thu không bao gồm DT nội bộ</i> | <i>441.138</i> | <i>474.422</i> | <i>33.283</i> | <i>107,5</i> |
| a | Doanh thu từ hoạt động SXKD | 453.307 | 489.520 | 36.213 | 108,0 |
| b | Doanh thu từ hoạt động khác | 18.201 | 16.735 | -1.466 | 91,9 |
| 3 | Tổng chi phí | 442.488 | 474.695 | 32.207 | 107,3 |
| | <i>Tổng chi phí không bao gồm chi phí nội bộ</i> | <i>412.118</i> | <i>442.862</i> | <i>30.743</i> | <i>107,5</i> |
| a | Chi phí từ hoạt động SXKD | 434.548 | 467.751 | 33.204 | 107,6 |
| b | Chi phí hoạt động khác | 7.940 | 6.944 | -996 | 87,4 |
| 4 | Tổng Lợi nhuận trước thuế | 29.020 | 31.560 | 2.540 | 108,8 |
| a | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | 18.759 | 21.769 | 3.010 | 116,0 |
| b | Lợi nhuận hoạt động khác | 10.261 | 9.791 | -470 | 95,4 |
| 5 | Thuế TNDN phải nộp | 2.703 | 3.205 | 502 | 118,6 |
| 6 | Lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN | 26.317 | 28.355 | 2.038 | 107,7 |
| 7 | Chia cổ tức (Tạm tính) | 20.789 | 23.283 | 2.495 | 112,0 |
| | <i>Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%) (Phần giá trị cổ phiếu đang lưu hành)</i> | 25 | 28 | 3 | 112,0 |
| 8 | Tổng mức đầu tư trong năm | | | | |
| a | Đầu tư XDCB và TTB | | | | |
| | - Giá trị KL công việc hoàn thành | 33.029 | 179.351 | 146.322 | 543,0 |
| | - Giá trị giải ngân | 11.889 | 116.653 | 104.765 | 981,2 |

| | | | | | |
|-----------|---|----------------|----------------|---------------|--------------|
| b | Đầu tư vốn vào DN khác | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | Tổng quỹ lương, tiền công | 90.630 | 95.791 | 5.161 | 105,7 |
| 10 | Lao động bình quân | 613 | 650 | 37 | 106,1 |
| II | CHỈ TIÊU HỢP NHẤT | | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 621.807 | 676.610 | 54.802 | 108,8 |
| | <i>Tổng DT hợp nhất không bao gồm DT nội bộ</i> | <i>591.438</i> | <i>644.776</i> | <i>53.338</i> | <i>109,0</i> |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 29.433 | 32.540 | 3.107 | 110,6 |

Chi tiết tại Bảng kế hoạch SXKD năm 2019.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung đã nêu tại mục 1.2 của tờ trình này.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu VT, BTK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Lê Đức Cảnh

TÓM TẮT

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

I. Đặc điểm tình hình

1. Tổng quan về môi trường kinh doanh năm 2018.

- Năm 2018 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao. GDP đạt mức kỷ lục 7.08% cao nhất trong 10 năm qua. nền chính trị trong nước được duy trì ổn định.

- Vận tải bằng đường hàng không tăng trưởng khá 11.2% so với cùng kỳ, sản lượng khách qua Cảng HKQT Nội Bài tăng 8.26% tạo điều kiện thuận lợi cho tình hình SXKD của Công ty.

- Năm 2018 môi trường kinh doanh tại khu vực Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài có nhiều biến động đặc biệt từ khi Cảng HKQT Nội Bài hoàn thành công tác cải tạo, sửa chữa nhà ga hành khách T1.

- Sau khi Cảng HKQT Nội Bài hoàn thành cải tạo, sửa chữa nhà ga T1 có thêm nhiều doanh nghiệp được nhượng quyền kinh doanh, thị phần bị chia sẻ nhiều. Một số điểm kinh doanh ăn nhanh giải khát, bán hàng bách hóa, lưu niệm của Công ty tại tầng 1, tầng 2 nhà ga T1 đi vào hoạt động nhưng doanh thu không đạt kỳ vọng.

- Năm 2018 Công ty đã hoàn thành và đưa vào khai thác một số hạng mục đầu tư các phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh và hoàn thành đầu tư các điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1 góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế của Công ty trên thị trường.

2. Những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch năm 2018

2.1. Thuận lợi:

- Lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài nói chung và lượng khách của VNA qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao so với cùng kỳ năm trước. Năm 2018, tốc độ tăng trưởng hành khách qua Cảng HKQT Nội Bài tăng 8.26% so với cùng kỳ năm 2017.

- Công ty được điều chỉnh tăng giá một số dịch vụ chủ chốt để bù đắp các chi phí đầu tư.

- Các dự án hợp tác kinh doanh với các đối tác có uy tín trên thị trường triển khai đúng kế hoạch góp phần nâng cao hiệu quả SXKD. Công ty tiếp tục tìm kiếm các đối tác khác để hợp tác kinh doanh.

- Các điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1 sau khi cải tạo, hợp tác đã đi vào hoạt động ổn định góp phần tăng doanh thu, giải quyết việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Tận dụng lợi thế về vị trí kinh doanh để tăng cường nguồn thu từ tài trợ, quảng cáo.

2.2. Khó khăn:

- Thị trường hàng hóa, dịch vụ tại Cảng HKQT Nội Bài bị cạnh tranh ngày càng nhiều bởi các đối thủ có kinh nghiệm và tiềm lực tài chính.

- Chi phí thuê mặt bằng tăng so với kế hoạch, phát sinh thêm chi phí đặt standee, biển hiệu cửa hàng.

- Cảng HKQT Nội Bài quy hoạch lại toàn bộ mặt bằng tại Cảng làm ảnh hưởng hưởng đến hoạt động của một số lĩnh vực của Công ty. Trong khi đó, Công ty vẫn đảm bảo việc làm và chế độ cho người lao động tại các điểm dừng kinh doanh trong thời gian đầu tư cửa hàng mới.

- Các điểm kinh doanh mới tại T1 chậm đưa vào hoạt động so với Kế hoạch

- Công ty phải thuê phương tiện vận tải ngoài do chưa thực hiện đầu tư mới

- Một số đối tác hợp tác kinh doanh với Công ty do không đạt hiệu quả mong đợi nên đã ngừng hợp tác kinh doanh từ tháng 9/2018.

- Các Công ty có vốn góp hoạt động kém hiệu quả so với kế hoạch dẫn đến việc phải trích lập chi phí dự phòng giảm giá trị đầu tư.

II. Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch của NASCO và KH hợp nhất năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2018 | Thực hiện năm 2018 | %SS TH2018/ KH 2018 | %SS TH2018/ TH 2017 |
|----------|--|----------------|--------------------|---------------------|---------------------|
| I | CÔNG TY MẸ | | | | |
| 1 | Vốn CSH bình quân | 120.178 | 120.178 | 100,0 | 100,0 |
| | Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo | 83.158 | 83.158 | 100,0 | 100,0 |
| 2 | Tổng Doanh thu | 488.132 | 471.508 | 96,6 | 105,0 |
| | <i>Tổng doanh thu không bao gồm doanh thu nội bộ</i> | <i>458.004</i> | <i>441.138</i> | <i>96,3</i> | <i>105,1</i> |
| a | Doanh thu từ hoạt động SXKD | 470.533 | 453.307 | 96,3 | 105,6 |
| b | Doanh thu từ hoạt động khác | 17.599 | 18.201 | 103,4 | 91,0 |
| 3 | Tổng chi phí | 459.452 | 442.488 | 96,3 | 103,7 |
| | <i>Tổng CP không bao gồm chi phí nội bộ</i> | <i>429.325</i> | <i>412.118</i> | <i>96,0</i> | |
| a | Chi phí từ hoạt động SXKD | 453.145 | 434.548 | 95,9 | 103,7 |
| b | Chi phí hoạt động khác | 6.308 | 7.940 | 125,9 | 101,3 |
| 4 | Tổng Lợi nhuận trước thuế | 28.680 | 29.020 | 101,2 | 129,8 |
| a | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | 17.389 | 18.759 | 107,9 | 184,1 |
| b | Lợi nhuận hoạt động khác | 11.291 | 10.261 | 90,9 | 84,3 |
| 5 | Thuế TNDN phải nộp | 2.446 | 2.703 | 110,5 | 264,3 |
| 6 | Lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN | 26.234 | 26.317 | 100,3 | 123,3 |
| 7 | Chia cổ tức (Tạm tính) | 20.789 | 20.789 | 100,0 | 108,7 |
| | <i>Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%) (Phần giá trị cổ phiếu đang lưu hành)</i> | <i>25</i> | <i>25</i> | <i>100,0</i> | <i>108,7</i> |

| | | | | | |
|-----------|--|---------------|---------------|--------------|--------------|
| 8 | Tổng mức đầu tư trong năm | | | | |
| a | Đầu tư XDCCB và TTB | | | | |
| | - Giá trị KL công việc hoàn thành | 103.230 | 33.029 | 32,0 | 329,4 |
| | - Giá trị giải ngân | 55.715 | 11.889 | 21,3 | 118,6 |
| b | Đầu tư vốn vào DN khác | 11.246 | 0 | 0,0 | 0,0 |
| 9 | Tổng quỹ lương, tiền công | 90.385 | 90.630 | 100,3 | 103,6 |
| 10 | Lao động bình quân | 650 | 613 | 94,3 | 95,2 |
| II | CHỈ TIÊU HỢP NHẤT | | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 658.210 | 621.807 | 94,5 | 107,9 |
| | <i>Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất loại trừ DT nội bộ)</i> | | 591.438 | | |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 31.220 | 29.433 | 94,3 | 136,7 |

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Vốn điều lệ của Công ty trong năm 2018 là: 83.16 tỷ đồng; vốn CSH bình quân trong năm đạt 120.18 tỷ đồng; nguồn vốn được bảo toàn.

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 là 471.51 tỷ đồng (Doanh thu sau khi loại trừ doanh thu nội bộ là 441.14 tỷ đồng), đạt 96,6% kế hoạch năm 2018 và tăng 5% so thực hiện cùng kỳ năm 2017.

- Tổng chi phí thực hiện năm 2018 là 442.49 tỷ đồng (Chi phí đã loại chi phí nội bộ là 412.12 tỷ đồng), đạt 96,3% kế hoạch năm 2018 và tăng 3,7% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

- Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2018 là 29.02 tỷ đồng, đạt 101,2% kế hoạch năm 2018 và tăng 29,8% so thực hiện cùng kỳ năm 2017.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2018 là 26.32 tỷ đồng, đạt 100,3% lợi nhuận sau thuế trong kế hoạch năm 2018 và tăng 23,3% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017. Trong đó: tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ năm 2018 là 31,65%.

- Chia cổ tức (tạm tính) bằng tiền cho các cổ đông dự kiến thực hiện năm 2018 là: 20,79 tỷ đồng (bằng 25% giá trị cổ phần đang lưu hành).

- Lao động bình quân thực hiện năm 2018 là 613 lao động, đạt 94,28% lao động bình quân kế hoạch năm 2018.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư – xây dựng cơ bản năm 2018.

Tổng mức đầu tư trang thiết bị - xây dựng cơ bản năm 2018 của Công ty được phê duyệt tại Kế hoạch là 103.299,5 triệu đồng, giá trị giải ngân được duyệt là 55.714,7 triệu đồng. Tới thời điểm 31/12/2018, dự kiến thực hiện đầu tư trang thiết bị - xây dựng cơ bản của Công ty thực hiện được là 33.029 triệu đồng, bằng 32% kế hoạch năm, giải ngân ước đạt 11.888,6 triệu đồng, bằng 21,34% kế hoạch giải ngân của năm.

Trong đó, dự án chuyển tiếp kỳ trước thực hiện là 28.350.6 triệu đồng đạt 75,61% bao gồm hạng mục Xây mới, cải tạo tại Nhà ga T1 triển khai thực hiện đầu tư và khởi công từ tháng 4/2018, thực hiện trong năm 2018 là 5.620.6 triệu đồng; hạng mục Đầu tư 02 xe sân thấp chờ khách hạng Y trong sân đỗ tàu bay: triển khai lập dự án 2017, triển khai phê duyệt dự án, đấu thầu lựa chọn nhà thầu năm 2018, đến tháng 10/2018 đã ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu, ước thực hiện năm 2018 là 22.709,5 triệu đồng, giải ngân trong năm 2018 là 5.344,4 triệu đồng, hoàn thành giải ngân năm 2019 nhưng không chuyển tiếp danh mục sang kế hoạch 2019.

Dự án đầu tư mới thực hiện là 4.678,4 triệu đồng, đạt 7,12% so với kế hoạch

Tình hình thực hiện đầu tư năm 2018 thấp so với kế hoạch do chủ yếu một số nguyên nhân như sau:

- Dự án đầu tư 04 xe ô tô sân thấp chờ khách C (chiếm tỷ trọng 49% so với toàn kế hoạch đầu tư năm 2018) chỉ triển khai được lập dự án trong năm 2018 do việc nghiên cứu chủng loại xe phù hợp với nhu cầu sử dụng và cân đối vốn của Công ty.

- Một số dự án đầu tư không triển khai thực hiện trong đó bao gồm các dự án đầu tư cải tạo tại Nhà hàng Sen Vàng, khu phức hợp sảnh E v.v không đưa vào triển khai thực hiện do xem xét tình hình và điều kiện kinh doanh thực tế hiện nay có nhiều khó khăn, gây bất lợi cho việc triển khai đầu tư có hiệu quả.

3. Thực hiện đầu tư RNDN năm 2018

Năm 2018 Công ty giữ nguyên các khoản đầu tư RNDN như thực hiện cùng kỳ năm 2017. Cụ thể:

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam 3.780 triệu đồng bằng giá trị tài sản và thương hiệu Airport taxi vào Công ty Cổ phần Taxi NASCO (Tỷ lệ nắm giữ là 36% trên tổng vốn điều lệ là 10.500 triệu đồng; tỷ lệ lợi ích 16%).

Năm 2018 trích dự phòng giảm giá trị đầu tư là: 217,59 triệu đồng

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco 62.220 triệu đồng (Tỷ lệ nắm giữ là 51% trên tổng số vốn điều lệ của Công ty là 122.000 triệu đồng, tỷ lệ lợi ích 49,12%)

Năm 2018 trích dự phòng giảm giá trị đầu tư là: 356,98 triệu đồng

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài 6.694,69 triệu đồng (Tỷ lệ nắm giữ 6,98% vốn điều lệ).

Năm 2018 nhận cổ tức với tỷ lệ 90% giá trị vốn góp là: 16.448,85 triệu đồng

4. Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch hợp nhất của NASCO năm 2018

- Tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất là: 621,81 tỷ đồng đạt 94,5% so với kế hoạch hợp nhất năm 2018 và đạt 107,9% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

(Doanh thu hợp nhất đã bao gồm doanh thu nội bộ)

- Tổng lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất là: 29,43 tỷ đồng đạt 94,3% so với kế hoạch hợp nhất năm 2018 và tăng 36,7% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

TÓM TẮT
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN NĂM 2019:

Kế hoạch năm 2019 của Công ty được xây dựng trong bối cảnh:

I. Thuận lợi:

- Theo IMF, nền kinh tế thế giới dự kiến tăng trưởng khoảng 3,5% năm 2019.
- Kinh tế vĩ mô trong nước dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6-7% so với năm 2018
- Thị trường vận tải HK trong nước năm 2019: QT tăng 12%, ND tăng 17,3%. Thị trường VNA 2019: QT tăng 9,3%, ND tăng 11% so với 2018.
- Công ty nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của TCT HKVN- CTCP và các cơ quan chức năng.
- Công tác đầu tư thực hiện có hiệu quả nhằm nâng cao CLDV của NASCO đặc biệt là đối với dịch vụ phòng khách hạng thương gia và dịch vụ chờ khách trong sân đỗ tàu bay.
- KH SXKD năm 2019 của các công ty có vốn góp hiệu quả hơn TH 2018 góp phần nâng cao hiệu quả chung của Công ty.

II. Khó khăn:

- Thị trường hàng hóa dịch vụ tại khu vực Cảng HKQT Nội Bài chịu sự cạnh tranh lớn, nhất là ở nhà ga T1.
- Theo xu hướng thị trường và sự thay đổi thói quen mua sắm của KH một số lĩnh vực KD tại sân bay bị ảnh hưởng như: BH bách hóa lưu niệm, bán hàng miễn thuế,
- Cơ chế quản lý nhà nước và các điều kiện kinh doanh ngày càng thắt chặt ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD Công ty
- Dự báo 1 số chi phí đầu vào phục vụ SXKD như: nguyên nhiên vật liệu, điện nước... có sự điều chỉnh tăng ảnh hưởng đến hiệu quả các lĩnh vực.
- Các dự án đầu tư hoàn thành cuối năm 2018 và năm 2019 làm tăng chi phí khấu hao, lãi vay.

III. Các căn cứ để xây dựng kế hoạch năm 2019 của Công ty.

- Căn cứ tình hình thị trường của các lĩnh vực hoạt động kinh doanh Công ty hiện có, các lĩnh vực dịch vụ mới Công ty đã và đang triển khai và xu thế phát triển kinh tế trong nước, quốc tế;
- Căn cứ dự báo tốc độ phát triển của ngành và Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP;

- Căn cứ vào những định hướng lớn của Nhà nước, của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP và của Công ty trong năm 2019:

- Căn cứ Nghị quyết, chủ trương của lãnh đạo cấp trên và lãnh đạo Công ty về việc tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn từ năm 2018-2020.

B. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NASCO NĂM 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | SS KH2019/TH 2018 | |
|-----------|--|--------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| | | | | Số tuyệt đối | Số tương đối (%) |
| I | CÔNG TY MẸ | | | | |
| 1 | Vốn CSH bình quân | 120.178 | 120.178 | 0 | 100,0 |
| | Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo | 83.158 | 83.158 | 0 | 100,0 |
| 2 | Tổng Doanh thu | 471.508 | 506.255 | 34.747 | 107,4 |
| | <i>Tổng doanh thu không bao gồm DT nội bộ</i> | <i>441.138</i> | <i>474.422</i> | <i>33.283</i> | <i>107,5</i> |
| a | Doanh thu từ hoạt động SXKD | 453.307 | 489.520 | 36.213 | 108,0 |
| b | Doanh thu từ hoạt động khác | 18.201 | 16.735 | -1.466 | 91,9 |
| 3 | Tổng chi phí | 442.488 | 474.695 | 32.207 | 107,3 |
| | <i>Tổng chi phí không bao gồm chi phí nội bộ</i> | <i>412.118</i> | <i>442.862</i> | <i>30.743</i> | <i>107,5</i> |
| a | Chi phí từ hoạt động SXKD | 434.548 | 467.751 | 33.204 | 107,6 |
| b | Chi phí hoạt động khác | 7.940 | 6.944 | -996 | 87,4 |
| 4 | Tổng Lợi nhuận trước thuế | 29.020 | 31.560 | 2.540 | 108,8 |
| a | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | 18.759 | 21.769 | 3.010 | 116,0 |
| b | Lợi nhuận hoạt động khác | 10.261 | 9.791 | -470 | 95,4 |
| 5 | Thuế TNDN phải nộp | 2.703 | 3.205 | 502 | 118,6 |
| 6 | Lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN | 26.317 | 28.355 | 2.038 | 107,7 |
| 7 | Chia cổ tức (Tạm tính) | 20.789 | 23.283 | 2.495 | 112,0 |
| | <i>Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%) (Phần giá trị cổ phiếu đang lưu hành)</i> | <i>25</i> | <i>28</i> | <i>3</i> | <i>112,0</i> |
| 8 | Tổng mức đầu tư trong năm | | | | |
| a | Đầu tư XDCB và TTB | | | | |
| | - Giá trị KL công việc hoàn thành | 33.029 | 179.351 | 146.322 | 543,0 |
| | - Giá trị giải ngân | 11.889 | 116.653 | 104.765 | 981,2 |
| b | Đầu tư vốn vào DN khác | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | Tổng quỹ lương, tiền công | 90.630 | 95.791 | 5.161 | 105,7 |
| 10 | Lao động bình quân | 613 | 650 | 37 | 106,1 |
| II | CHỈ TIÊU HỢP NHẤT | | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 621.807 | 676.610 | 54.802 | 108,8 |
| | <i>Tổng DT hợp nhất không bao gồm DT nội bộ</i> | <i>591.438</i> | <i>644.776</i> | <i>53.338</i> | <i>109,0</i> |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 29.433 | 32.540 | 3.107 | 110,6 |

I. Kế hoạch kinh doanh của NASCO

1. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch kinh doanh năm 2019 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: Kế hoạch năm 2019 là 506.26 tỷ đồng, tăng 34.75 tỷ đồng (tăng 7.4%) so thực hiện năm 2018 (Doanh thu thuần đã loại doanh thu nội bộ là: 474.42 tỷ đồng). Trong đó:

+ Doanh thu hoạt động kinh doanh là 489.52 tỷ đồng, tăng 36.21 tỷ đồng (tăng 8%) so thực hiện năm 2018. Doanh thu kinh doanh năm 2019 tăng so với năm 2018 do hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều có sự tăng trưởng, một số điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1 đi vào hoạt động ổn định và doanh thu tăng nguồn thu từ dự án cho thuê văn phòng làm trung tâm Briefing phục vụ tiếp viên và phi công của VNA tại Nội Bài.

+ Doanh thu hoạt động khác là 16.74 tỷ đồng, giảm 1.47 tỷ đồng (giảm 8,1%) so thực hiện năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Doanh thu tài chính từ cổ tức của Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài giảm (Dự kiến chỉ đạt 85% giá trị vốn góp so với 90% năm 2018)
- Doanh thu khác giảm do giảm doanh thu từ hoạt động thanh lý tài sản và thu bất thường khác.

- Tổng chi phí: Kế hoạch năm 2019 là 474.69 tỷ đồng, tăng 32.21 tỷ đồng (tăng 7.3%) so thực hiện năm 2018 (Chi phí đã loại chi phí nội bộ là: 442.86 tỷ đồng). Trong đó:

+ Chi phí hoạt động kinh doanh là 467.75 tỷ đồng, tăng 33.20 tỷ đồng (tăng 7,6%) so thực hiện năm 2018 chủ yếu do tăng các chi phí như:

- Tăng chi phí cho người lao động như: chi phí tiền lương, các loại bảo hiểm liên quan đến người lao động, chi phí trang phục, khám sức khỏe....
- Chi phí khấu hao các tài sản cố định hình thành trong cuối năm 2018 và đầu tư mới năm 2019. Cụ thể: Các tài sản khấu hao cuối năm 2018: 02 xe chở khách hạng Y trong sân đỗ tàu bay, 01 xe tuyến mới, các trống thiết bị lễ; Các tài sản hình thành và đưa vào khấu hao kế hoạch năm 2019: 04 xe chuyên dụng phục vụ chở khách hạng C trong sân đỗ tàu bay, 01 xe văn phòng, trung tâm Briefing...
- Chi phí thuê mặt bằng tăng so với thực hiện năm 2018 do: Phát sinh chi phí thuê quảng cáo các biển nhà hàng, chi phí đặt standee và chi phí thuê mặt bằng mở rộng phòng khách hạng thương gia nội địa.
- Tăng các chi phí đầu vào khác như: Chi phí nguyên nhiên vật liệu, chi phí báo chí tài liệu...

+ Chi phí hoạt động khác là: 6.94 tỷ đồng, giảm 1 tỷ đồng so thực hiện năm 2018. Chi phí lãi vay ngân hàng phục vụ các dự án đầu tư năm 2019 tăng so với thực hiện năm 2018, tuy nhiên năm 2019 Công ty được hoàn nhập khoản trích dự phòng giảm giá đầu tư vào Nasco Logistics.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: Kế hoạch năm 2019 là 31.56 tỷ đồng, tăng 2.54 tỷ đồng (tăng 8,8%) so thực hiện năm 2018.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: Kế hoạch năm 2019 là 28.36 tỷ đồng, tăng 2.04 tỷ đồng (tăng 7.7%) so với thực hiện năm 2018.

- Kế hoạch chia cổ tức năm 2019 (tạm tính): 23.28 tỷ đồng, bằng 28% vốn điều lệ.

- Lao động: Kế hoạch lao động sử dụng bình quân năm 2019 là 650 người, tăng 6% so lao động sử dụng bình quân năm 2018.

2. Vốn điều lệ: Kế hoạch năm 2019 tính tại thời điểm 31/12/2019 là 83,16 tỷ đồng.

3. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ đạt 34.1%.

II. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của NASCO:

Tổng mức đầu tư – xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2019 là: 184.031 tỷ đồng.

Trong đó:

1. Dự án chuyển tiếp: 50,61 tỷ đồng

a. Đầu tư trang thiết bị: 50.61 tỷ đồng:

- Kinh phí chuẩn bị đầu tư: 0 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện đầu tư: 50.61 tỷ đồng

b. Đầu tư xây dựng cơ bản: 0 đồng:

c. Đầu tư trang thiết bị không theo dự án: 0 đồng.

2. Dự án mới: 128,74 tỷ đồng

a. Dự án đầu tư trang thiết bị: 72.04 tỷ đồng

- Kinh phí chuẩn bị đầu tư: 0 đồng

- Kinh phí thực hiện đầu tư: 70.49 tỷ đồng

- Kinh phí đầu tư trang thiết bị không theo dự án: 1.55 tỷ đồng

b. Dự án đầu tư xây dựng cơ bản: 56.70 tỷ đồng:

- Kinh phí chuẩn bị đầu tư: 2.68 tỷ đồng

- Kinh phí thực hiện đầu tư: 54,02 tỷ đồng

III. Mục tiêu, phương hướng và biện pháp điều hành thực hiện KH năm 2019:

1. Ứng dụng CNTT trong công tác quản trị DN: NASCO đang phối hợp với AITS xây dựng hệ thống thông tin quản trị DN theo đề án chung của TCTHKVN.

Khai thác tối đa hiệu quả các phần mềm hiện có của NASCO như: Phần mềm quản trị ERP, phần mềm quản lý khách hàng CRM, phần mềm quản lý nhân sự, quản lý kho hàng và phần mềm kê khai hải quan

2. Tổ chức lại hoạt động kinh doanh của các Nhà hàng, cửa hàng các bộ phận của các đơn vị (bao gồm cả Công ty có vốn góp và Công ty liên kết) đảm bảo kinh doanh có hiệu quả:

- Nghiên cứu, triển khai áp dụng thực tế các mô hình và phương thức kinh doanh mới theo xu thế hiện đại, hiện đại kết hợp với truyền thống tại các điểm kinh doanh mới được nhượng quyền để đáp ứng kịp thời sự thay đổi nhu cầu và phong cách tiêu dùng của khách hàng tại Cảng hàng không tại CHKQTNB, khắc phục hạn chế về lợi thế vị trí kinh doanh.

- Áp dụng phương thức giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả hơn, nâng cao quyền tự chủ hơn đối với các nhà hàng, dần dần áp dụng rộng rãi tới các điểm kinh doanh khác để phù hợp tiến trình tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả của Công ty, phù hợp với định hướng của Tổng công HKVN-CTCP.

- Tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh để nâng cao hiệu quả các lĩnh vực kinh doanh chưa cân đối được thu chi.

3. Nâng cao hiệu quả công tác cung ứng hàng hóa, xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm, hàng hóa đầu vào; bảo đảm cơ sở vật chất cho kinh doanh bằng việc thực hiện đúng tiến độ đầu tư – xây dựng cơ bản, đầu tư có trọng tâm.

4. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị chi phí, thường xuyên rà soát, hoàn thiện các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật, hệ thống định lượng tại các Nhà hàng; tăng cường thực hành tiết kiệm; thực hiện nghiêm chỉnh các định mức kinh tế - kỹ thuật và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành; đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng.

5. Tăng cường công tác giám sát chất lượng dịch vụ; Kiểm soát chặt chẽ các khoản mục chi phí lớn (chi phí nguyên, nhiên liệu, vật tư, vốn hàng...); tiết kiệm triệt để chi phí gián tiếp.

6. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện quy trình làm việc, tiêu chuẩn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

7. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để điều hành và quản lý Công ty; Tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, quy định, nội quy, định mức của Công ty tại đơn vị. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ thống kê báo cáo.

8. Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức của các đơn vị trực thuộc Công ty; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh. Đánh giá lại nguồn lực con người, sắp xếp lao động có hiệu quả nhất. Xem xét việc cơ cấu lại các hoạt động lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả.

9. Tăng cường công tác đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo, chú trọng công tác tự đào tạo và đào tạo nâng cao.

10. Củng cố, duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các Cơ quan quản lý Nhà nước và các Doanh nghiệp tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài.

11. Tăng cường công tác đầu tư ngoài doanh nghiệp khác, đảm bảo hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn.

Số: 58 /TTr-NASCO/HDQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019.

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua kết quả chi trả thù lao và tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018; Kế hoạch chi trả thù lao năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp năm 2014:

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Căn cứ vào Nghị quyết số 27/NQ-NASCO/HDQT ngày 19/03/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua nội dung chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

1. Kết quả thực hiện chi trả thù lao năm 2018:

- Số tiền thù lao chi trả thực tế cho các thành viên Hội đồng quản trị (từ 01/01-31/12/2018 là 04 thành viên) và Ban kiểm soát (03 thành viên) là: 633.04 triệu đồng.

Thù lao Chủ tịch HDQT tính từ 01/07/2018 đến hết 31/12/2018; 01 thành viên HDQT ở đơn vị khác tính từ 01/05/2018 đến hết 31/12/2018

- Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý công ty là: 2.775.85 triệu đồng trong đó:

+ Quỹ tiền lương thực hiện của Chủ tịch HDQT và TGD là: 1.033.62 triệu đồng

+ Quỹ tiền thực hiện của người quản lý còn lại: 1.742.23 triệu đồng

- Đề nghị mức thưởng năm 2018 cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty là: 346,00 triệu đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Đối tượng và phương pháp phân phối giao cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2019:

- Mức thù lao hàng tháng đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.800.000 đồng/tháng.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: 8.400.000 đồng/tháng.

+ Trưởng Ban kiểm soát: 8.400.000 đồng/tháng.

+ Thành viên Ban kiểm soát: 7.140.000đồng/tháng.

Với mức chi này thì tổng chi thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 là: 804,96 triệu đồng (Số lượng Chủ tịch HDQT là 01 người; thành viên Hội đồng quản trị là 04 người và thành viên Ban kiểm soát là 03 người).

- Quỹ tiền lương của Người quản lý công ty là: 2.286.50 triệu đồng.

trong đó:

+ Quỹ tiền lương của TGD là: 648,00 triệu đồng

+ Quỹ tiền lương của người quản lý còn lại là: 1.638,50 triệu đồng

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu VT, BTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Đức Cảnh
Lê Đức Cảnh